TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 393/2024/HS-PT Ngày 23 - 8 - 2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 265/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo Mai Thị Thu T và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Thị Thu T, sinh năm 1982 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0751820092XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số K, Tổ H, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Mai Trung K và bà Nguyễn Thị Tuyết V; có chồng tên Đào Văn T1 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05-4-2023 đến ngày 14-4-2023; hiện nay, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 53/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Minh D (tên gọi khác: L), sinh năm 1980 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750800150XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số K, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Minh K1 và bà Dương Thanh H; có vợ tên Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 54/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Trung N (tên gọi khác: M), sinh năm 1966 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750660121XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số K, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Văn T2 (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); có vợ tên Nguyễn Ánh V1 và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05-4-2023 đến ngày 14-4-2023; hiện nay, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 55/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Thị Kim A, sinh năm: 1962 tại Quảng Nam; Căn cước công dân số: 0481620055XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số K, Khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Thành T4 và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05-4-2023 đến ngày 14-4-2023; hiện nay, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 56/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1986 tại An Giang; Căn cước công dân số: 0891860040XX; nơi đăng ký thường trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ A, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trọng N1 và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng tên Nguyễn Văn G và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05-4-2023 đến ngày 14-4-2023; hiện nay, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 57/2024/LCĐKNCT

ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 07 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Trương Minh D và Mai Thị Thu T là hàng xóm quen biết nhau. D sở hữu căn nhà tại địa chỉ Số K, Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hàng ngày D đi làm, không có người trông coi nên giao căn nhà trên cho T quản lý. T và D thỏa thuận cho người khác mượn nhà của D làm địa điểm đánh bạc thắng thua bằng tiền; T sẽ thu tiền xâu và bán nước uống, bài cho những người đánh bạc tại đây. Tiền xâu thu được, T sẽ chia đôi cho D một nửa.

Khoảng 14 giờ ngày 05/4/2023, Mai Trung N (M), Huỳnh Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu H1, Trương Thành Đ1, Lưu Thị C, Nguyễn Thị L1, T, Nguyễn Thị N2, Đặng Ngọc B2 và Mai Trung T5 đến chơi tại quán nước của Mai Thị Thu T và rủ nhau đánh bài "Cào" thắng thua bằng tiền. T nói với cả nhóm đi vào nhà của D ở địa chỉ nêu trên để đánh bạc và T thu tiền xâu; cả nhóm đồng ý và cùng nhau vào nhà của D để đánh bạc.

Cách thức đánh bạc như sau: Mỗi ván bài người chơi đặt tiền cược trước vào "tụ" của mình. Sau đó, người làm cái dùng bộ bài Tây (loại 52 lá) chia đều mỗi "tụ" 03 (ba) lá bài, rồi tính điểm để xác định thắng, thua. Khi lật bài lên, người làm cái sẽ lấy bài của mình so sánh với từng "tụ", nếu bài của người làm cái lớn hơn bài của "tụ" nào thì người làm cái sẽ thắng và thu toàn bộ số tiền của "tụ" đó đã đặt và ngược lại (tức tỷ lệ thắng thua là 1-1). Nếu bài của người làm cái và bài của người chơi bằng điểm nhau thì không thắng, không thua (hòa). Một người có thể đặt nhiều "tụ" hoặc nhiều người có thể đặt chung một "tụ" (đặt ké). Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 điểm, lá bài in số (2,3,4,5,6,7,8,9) tính điểm tương đương số in trên lá bài đó, lá bài hình T6 (J, Q, K) tính 10 điểm. Bài cao nhất là bài có 03 lá hình T6, kế đến là bài có số điểm lần lượt là 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1 và 0. Số điểm 10, 20, 30 gọi là "bù" (không có điểm).

M1 Trung Nghĩa là người làm cái thắng thua với người tham gia đánh bạc, N và T thỏa thuận, khi N làm cái đánh bạc từ 10 đến 15 ván bài, thì N sẽ trả 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền xâu cho T. Quá trình đánh bạc thì N và Kim A thỏa thuận: Kim A sẽ đặt 100.000đ (một trăm nghìn đồng) chung tụ với N và sẽ hưởng thắng thua bằng với số tiền Kim A bỏ ra đặt cược (nếu N thắng thì Kim A sẽ được 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và nếu N thua thì Kim A sẽ đưa cho N số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Đặng Ngọc B2 và Nguyễn Thị N2 thỏa thuận góp tiền đặt chung tụ với nhau để đánh bạc thắng thua với N (nhà cái), N2 là người trực tiếp đánh bạc với nhà cái.

Quá trình đánh bạc, số tiền từng người sử dụng đánh bạc như sau:

- Mai Trung Nghĩa là người làm cái, N mang theo và sử dụng số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt thua 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và bị thu giữ số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Huỳnh Thị Kim A đặt ké chung tụ với Mai Trung N, Kim A mang theo số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và đặt cược 05 ván, mỗi lần 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Khi bị bắt Kim A thua 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhưng chưa đưa tiền cho N và bị thu giữ số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) dùng đánh bạc.

- Nguyễn Thị Thu H1 mang theo số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) để đánh bạc, thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Khi bị bắt H1 để số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) trên chiếu bạc bị thu giữ.

- Trương Thành Đ1 mang theo số tiền 1.075.000đ (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để đánh bạc, thua 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Khi phát hiện lực lượng Công an, Đ1 cầm 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) bỏ chạy và bị mất, bị thu giữ số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Lưu Thị C mang theo số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), sử dụng 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, thua 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Khi bị bắt thu giữ số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó có 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) dùng đánh bạc và 2.000.000đ (hai triệu đồng) không dùng đánh bạc.

- Nguyễn Thị L1 mang theo số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc, L1 không thắng, không thua. Khi bị bắt thu giữ số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- Thái L2 mang theo số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt L2 thắng 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng) được tổng số tiền 770.000đ (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Thu giữ số tiền 670.000đ (sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) trong người dùng đánh bạc và thu 100.000đ (một trăm nghìn đồng) L2 đang đặt cược trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị N2 mang theo số tiền 4.297.000đ (bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và dùng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đặng Ngọc B2 mang theo số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. B2 đưa cho N2 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) N2 góp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đặt chung tụ đánh bạc và bị thua hết 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Khi bị bắt thu giữ của N2 số tiền 4.097.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) không dùng đánh bạc và 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của B2 dùng đánh bạc.

- Mai Trung T5 mang theo số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, thua 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Khi bị bắt thu giữ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, khi Mai Thị Thu T đang ngồi thu tiền xâu được 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu H1, Trương Thành Đ1, Lưu Thị C, Nguyễn Thị L1, T, Nguyễn Thị N2, Đặng Ngọc B2 và Mai Trung T5 đang đánh bạc thì bị Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 12.725.000đ (mười hai triệu bảy trăm hai lăm nghìn đồng). Ngoài ra, quá trình cho mượn địa điểm để đánh bạc trước đó, T và D đã thu lợi bất chính số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D phạm tội "Gá bạc", theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt mỗi bị cáo 01 (một) năm tù.

- Tuyên bố các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu H1, Trương Thành Đ1, Lưu Thị C, Nguyễn Thị L1, T, Nguyễn Thị N2, Đặng Ngọc B2, Mai Trung T5 phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

+ M2 (chín) tháng tù; Huỳnh Thị Kim A 08 (tám) tháng tù; Nguyễn Thị Thu H1 08 (tám) tháng tù.

+ T (bảy) tháng tù; Lưu Thị C 07 (bảy) tháng tù; Nguyễn Thị L1 06 (sáu) tháng tù; Thái Liên 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Thị N2 06 (sáu) tháng tù; Đặng Ngọc B2 06 (sáu) tháng tù; Mai Trung T5 06 (sáu) tháng tù. Tất cả đều được hưởng án treo

2/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Các bị cáo Mai Thị Thu T, Trương Minh D, Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

4. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D phạm tội "Gá bạc", theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1 phạm tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1 phạm tội

lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Áp dụng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Huỳnh Thị Kim A cung cấp tài liệu đang điều trị K trực tràng; bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 cung cấp đơn được xác nhận có hoàn cảnh khó khăn. Áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn ngặn:

Đối với Mai Thị Thu T và Trương Minh D: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện, việc cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo hình phạt như trên là phù hợp; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đối với Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bị cáo Huỳnh Thị Kim A là người cao tuổi; cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo, xử phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước. Do xử phạt tiền, nên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí; các bị cáo còn lại không phải chịu.

[4] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2024/HS-ST ngày 17-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1.Các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội "Gá bạc":

- Xử phạt bị cáo Mai Thị Thu T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ đi thời hạn tạm giữ, từ ngày 05/4/2023 đến ngày 14/4/2023.

- Xử phạt bị cáo Trương Minh D 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

1.2. Các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 đối với Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1); Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội "Đánh bạc", sung vào công quỹ Nhà nước:

- Xử phạt bị cáo Mai Trung N phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim A phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú sau đây của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, cụ thể:

- Lệnh số: 55/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 đối với bị cáo Mai Trung N;

- Lệnh số: 56/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 đối với bị cáo Huỳnh Thị Kim A;

- Lệnh số: 57/2024/LCĐKNCT ngày 17-01-2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H1.

3. Về án phí:

Các bị cáo Mai Thị Thu T và Trương Minh D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Mai Trung N, Huỳnh Thị Kim A và Nguyễn Thị Thu H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (5);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (5);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an các tỉnh Đồng Nai và An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành